

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 93/2023/HS-PT  
Ngày 18/9/2023

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm.

Các Thẩm phán: Bà Trương Tố Hương;

Bà Cao Thanh Nhanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Mỹ Nhiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:**

Ông Đỗ Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 94/2023/TLPT-HS ngày 16 tháng 8 năm 2023, đối với bị cáo Nguyễn Minh Triều D, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 78/2023/HS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

**- Bị cáo kháng cáo:**

Nguyễn Minh Triều D, sinh ngày 01/01/1990, tại tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp 2, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; nơi ở hiện nay: Ấp 20, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Điều dưỡng; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh D1 và bà Võ Thị X; có vợ Phùng Thanh Th nhưng đã ly hôn và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; có nhân thân xấu, vào ngày 20/3/2017 bị Phó Trưởng Công an huyện T, tỉnh Sóc Trăng ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc với số tiền 1.500.000 đồng, đã nộp phạt xong, đến lần phạm tội này được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/4/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**- Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Mai Hồng L, Luật sư của Văn phòng Luật sư H, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: LK 02.01.03, đường C3, khu dân cư M, Khóm 1, Phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Những người tham gia tố tụng khác không liên quan đến kháng cáo Tòa án không triệu tập gồm: Bị hại Trương Thị Cẩm T; Người làm chứng Thạch Vũ L1 và Hồ Thị Đông Th1.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 12/10/2022, D lên mạng xã hội Facebook thấy có trang quảng cáo giới thiệu làm giấy tờ giả, D nhắn tin hỏi và cho số Zalo để liên hệ thì có Nick Zalo tên Bibo mời kết bạn nên D đồng ý. Sau đó, D nhắn tin và trao đổi với một người nam (chưa rõ họ tên và địa chỉ cụ thể), làm một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đối với thửa đất số 549, tờ bản đồ số 4, địa chỉ ấp 20, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, diện tích đất 6.806m<sup>2</sup>, qua thỏa thuận giá làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả là 7.500.000 đồng và D đồng ý. D chụp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của D đã photo lại trước đó rồi gửi cho người thanh niên này, được vài ngày sau D nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mà D đã thuê làm trước đó, sau đó D chuyển tiền thuê làm giấy tờ giả cho người thanh niên này. Do D có quen biết với Thạch Vũ L1 nên nhờ L1 tìm người cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà D đã làm giả. Đến khoảng 11 giờ 30 phút ngày 18/10/2022, L1 nói cho D biết đến nhà của L1 để L1 chở đi đến nhà của Trương Thị Cẩm T. D điều khiển xe mô tô biển số 83P1-XXX.XX chở L1 đi đến nhà của T ở ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng rồi đưa cho T xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của D để T nhận cầm. Sau khi xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả của D thì T tin tưởng đây là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật nên T đồng ý cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho D với số tiền là 100.000.000 đồng, lãi suất là 06%/tháng, nhưng T yêu cầu T và D đi đến Văn phòng Công chứng L, số 177 đường T, khóm 7, Phường M, thành phố S để tiến hành công chứng chuyển nhượng thì D đồng ý. Sau đó, D và T cùng đi đến Văn phòng công chứng L. Khi đến, D đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Hồ Thị Đông Th1, là nhân viên văn phòng công chứng để tiến hành công chứng chuyển nhượng. Khi kiểm tra, Th1 phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là giả nên báo cho Công an đến mời D về làm việc. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S, D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Bản kết luận giám định số: 342/KLGĐTL-KTHS ngày 03/11/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sóc Trăng kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số BB 064504, ngày 01/02/2010 cần giám định (ký hiệu A) so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CQ 672270 mẫu so sánh (ký hiệu M) là không cùng mẫu do cơ quan có thẩm quyền cấp, là giả.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S tạm giữ: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BB

064504 mang tên Nguyễn Minh Triều D; 01 điện thoại di động OPPO A12, màu xanh, kiểu máy CPH2077, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô, màu đỏ-đen, biển số 83P1-XXX.XX, đã qua sử dụng. Sau khi xác minh làm rõ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S đã trả 01 xe mô tô, màu đỏ-đen, biển số 83P1-XXX.XX, đã qua sử dụng cho chủ sở hữu.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trương Thị Cẩm T không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 78/2023/HS-ST ngày 13/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 51; Điều 55; Điều 57 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Minh Triều D phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Triều D 02 (hai) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung hình phạt của hai tội là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo hoặc ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 25/7/2023, bị cáo D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ mức hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, với lý do: Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 tội danh nêu trên với mức hình phạt 03 năm 06 tháng tù là quá cao, vì trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, không có tình tiết tăng nặng, không có tiền án, tiền sự, bản thân bị cáo trong quá trình công tác được cơ quan có thẩm quyền tặng nhiều giấy khen, gia đình bị cáo cũng có công với cách mạng, có di ruột là liệt sĩ và bị cáo có nơi cư trú rõ ràng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo D giữ nguyên nội dung kháng cáo. Ngoài các lý do nêu trong đơn kháng cáo, bị cáo còn có cha mẹ già và bị cáo là lao động chính trong gia đình.

Người bào chữa cho bị cáo cho rằng, bị cáo D trong quá trình công tác đã có thành tích xuất sắc, được cơ quan có thẩm quyền tặng giấy khen nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong công tác theo quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), giảm nhẹ mức hình phạt tù cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng trình bày quan điểm: Kháng cáo của bị cáo D là hợp pháp. Về nội dung kháng cáo của bị cáo D, các lý do mà bị cáo đưa ra để xin giảm nhẹ mức hình phạt tù và xin

được hưởng án treo là không có căn cứ, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo cũng tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo, do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo D và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh Triều D đảm bảo về hình thức và nội dung kháng cáo, đúng người có quyền kháng cáo và còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, Điều 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên đủ điều kiện để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như phiên tòa phúc thẩm, có căn cứ xác định: Bị cáo D có đăng ký và sử dụng Facebook từ năm 2020. Vào ngày 12/10/2022, khi sử dụng Facebook, D thấy có trang quảng cáo giới thiệu làm giấy tờ giả nên nhắn tin trao đổi với một người nam (không rõ họ tên, địa chỉ), đặt làm một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, thỏa thuận giá là 7.500.000 đồng. Vài ngày sau, D nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, ngày 18/10/2022, D đem đến nhà của Trương Thị Cẩm T cầm, T tin tưởng đây là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật nên T đồng ý cầm cố với số tiền là 100.000.000 đồng, lãi suất là 06%/tháng, nhưng với điều kiện hai bên phải đến văn phòng công chứng tiến hành công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Khi hai bên đến Văn phòng công chứng L, số 177, đường T, Khóm 7, Phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng để công chứng thì nhân viên văn phòng công chứng phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là giả nên báo công an. D chưa chiếm đoạt được tiền của T.

[3] Theo Bản kết luận giám định số: 342/KLGĐTL-KTHS ngày 03/11/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sóc Trăng kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 064504 ngày 01/02/2010 cần giám định (ký hiệu A) so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CQ 672270 mẫu so sánh (ký hiệu M) là không cùng mẫu do cơ quan có thẩm quyền cấp, là giả.

[4] Như vậy, các hành vi nêu trên của bị cáo D là phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thuộc tình tiết định khung tăng nặng “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” thuộc tình tiết định khung tăng nặng “*Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật

Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm tuyên bố bị cáo D phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, theo điểm c khoản 2 Điều 174 và điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo D, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy, khi quyết định hình phạt, Cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, đó là bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, không có tiền án, tiền sự, trong quá trình công tác bị cáo được cơ quan có thẩm quyền tặng giấy khen, gia đình bị cáo có công với cách mạng như mẹ bị cáo trong quá trình công tác cũng được tặng nhiều giấy khen, bằng khen theo quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), đồng thời xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và 01 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo. Kèm theo đơn kháng cáo, bị cáo có nộp bổ sung xác nhận có di ruột là liệt sĩ, nhưng đây cũng thuộc tình tiết giảm nhẹ gia đình bị cáo có công với cách mạng đã được cấp sơ thẩm áp dụng, chưa đủ đến mức phải giảm nhẹ thêm mức hình phạt tù cho bị cáo, còn bị cáo bổ sung tại phiên tòa phúc thẩm cho rằng bị cáo có cha mẹ già và là lao động chính trong gia đình, đây không phải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định của Bộ luật Hình sự hiện hành. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong công tác theo quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là không có căn cứ, bởi lẽ trong quá trình công tác, bị cáo chỉ được cơ quan có thẩm quyền tặng giấy khen, chưa phải là thành tích xuất sắc. Do đó, về yêu cầu xin giảm nhẹ mức hình phạt tù của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Về kháng cáo yêu cầu xin được hưởng án treo, mặc dù bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nhưng bị cáo lại có nhân thân xấu cụ thể là vào năm 2017, bị cáo đã bị Công an huyện T, tỉnh Sóc Trăng ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc với số tiền 1.500.000 đồng, lần này bị cáo phạm tội cùng lúc 02 tội đều là tội nghiêm trọng, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự xã hội ở địa phương, tổng hợp hình phạt 02 tội này bị cáo phải chấp hành là trên 03 năm tù, nên căn cứ Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thì bị cáo không đủ điều kiện để cho hưởng án treo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng không chấp nhận đối với yêu cầu kháng cáo này.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo D và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Về án phí hình sự phúc thẩm: Điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: *“Trường hợp chỉ bị cáo hoặc người đại diện của bị cáo kháng cáo quyết định về hình sự của bản án sơ thẩm mà Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định về hình sự của bản án sơ thẩm thì người kháng cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm”*. Như vậy, bị cáo D là người kháng cáo quyết định về hình sự của bản án sơ thẩm và cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên theo quyết định của bản án sơ thẩm nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

[9] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh Triều D, về việc xin giảm nhẹ mức hình phạt tù và xin được hưởng án treo.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2023/HS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 51; Điều 55; Điều 57 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Triều D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 (hai) năm tù, về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung hình phạt của hai tội là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc ngày bị bắt đi chấp hành án.

3. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Minh Triều D phải chịu là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Vụ GDKT 1- TANDTC (01 bản);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- VKSND Tp. Sóc Trăng (01);
- TAND Tp. Sóc Trăng (02);
- CQCSĐT - Công an Tp. Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS - Công an Tp. Sóc Trăng (01);
- Chi cục THADS Tp. Sóc Trăng (01);
- Bị cáo; NBC (02);
- P. KTNV&THATAND T. Sóc Trăng (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Nguyễn Hoàng Lâm**